

Bản án số: 59/2024/DS-PT
Ngày: 22/02/2024
Về việc tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Dũng

Ông Đinh Chí Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 375/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐPT-DS ngày 19/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1958.

Địa chỉ cư trú: Khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số G, tổ B, khóm M, thị trấn M, huyện C, Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 06/10/2023.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1955.

Địa chỉ cư trú: Khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Anh Triệu Trọng Đ, sinh năm

1989;

Địa chỉ: Số A, đường L, Phường A, thành phố C, Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 21/02/2024.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1962 (vợ ông H1);

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Anh Triệu Trọng Đ , sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số A, đường L, Phường A, thành phố C, Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 21/02/2024.

2. Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1987 (con ông H1);

3. Chị Nguyễn Thị Nu E, sinh năm 1989 (con ông H1);

4. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1991 (con ông H1);

5. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1996 (con ông H1);

6. Cháu Nguyễn Hải N, sinh ngày 03/3/2012 (con anh K);

Người đại diện theo pháp luật cho cháu N: Anh Nguyễn Văn K.

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

7. Bà Huỳnh Thị L1, sinh năm 1961 (vợ ông T);

8. Anh Phạm Ngọc P (N1), sinh năm 1987 (con ông T);

9. Chị Dương Thị Cẩm H2, sinh năm 1992 (vợ anh P);

Người đại diện theo ủy quyền bà L1, chị P, chị H2: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số G, tổ B, khóm M, thị trấn M, huyện C, Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 06/10/2023.

10. Cháu Phạm Ngọc Trọng K1, sinh ngày 24/10/2011 (con anh P);

Người đại diện theo pháp luật cho cháu K1: Anh Phạm Ngọc P và chị Dương Thị Cẩm H2.

11. Bà Nguyễn Thị Ngọc N2, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

12. Ủy ban nhân dân thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn Đ1 - Chủ tịch Ủy ban thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H3 – Phó Chủ tịch Ủy ban thành phố H.

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Đ, chị H có mặt tại phiên tòa; ông H3, chị G, chị Nu E, anh K, chị

Nuôi có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn T là chị Nguyễn Thị H trình bày: Nguồn gốc đất là của cha vợ cho vợ chồng ông đất thổ cư diện tích 1.518m^2 , thửa 205, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại khóm B, phường A, thành phố H. Năm 1998 ông T có đặt trụ ranh giữa đất của ông và ông H1, khi đặt có mặt bà Phạm Thị L (vợ ông H1), các bên không xảy ra tranh chấp. Ông H1 còn xây bó nền ngay đúng ranh đất của cả hai. Ngày 31/10/2001 ông T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 15/5/2002 ông mua đất thêm của ông Nguyễn Văn Q ngang 14m, dài 30m, tổng diện tích 420m^2 , hai bên làm giấy tờ mua bán viết tay và chưa làm thủ tục sang tên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, phần đất mua liền ranh với phần đất của ông T.

Năm 2010, ông T cất nhà cho con trai Phạm Ngọc P (N) ở ổn định đến nay. Nhưng đến năm 2021 bà L ngang nhiên nhổ trụ ranh đất giữa hai bên, ông T có trình đến ông Đặng Văn D1 – Trưởng khóm.

Hiện tại ông H1 bao chiếm phần đất ông T đã được cấp Giấy chứng nhận ngang 3,5m, dài 16m, diện tích 56m^2 , thuộc thửa 205 và còn bao chiếm đất ông T mua của ông Q ngang 3,5m, dài 14m, thuộc 02 thửa 205 – 206, cùng tờ bản đồ số 3, tổng diện tích 49m^2 .

Sau đó hai bên phát sinh tranh chấp và UBND phường A B đo đạc lại thì đất thuộc thửa 205 và 206, tờ bản đồ số 3, ông H1 lấn chiếm chiều ngang 3,35m, dài xéo cánh buồm bên phần đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2022 thì ông T yêu cầu ông H1 trả lại đất theo trích lục sơ đồ của phường A B đo đạc tại 02 thửa 205 – 206, tờ bản đồ số 3 gồm: diện tích ngang 3,5m x dài 16m = 56m^2 (phần đất đã được cấp giấy) và diện tích ngang 3,5m x dài 14m = 49m^2 (phần đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng). Tổng diện tích 02 phần 105m^2 , tọa lạc tại khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi đo đạc thực tế thì ông T có thay đổi yêu cầu và khởi kiện bổ sung yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn H1 di dời cây trồng để trả lại đất cho ông T theo sơ đồ đo đạc bổ sung, cụ thể: Vị trí 1a có diện tích $148,9\text{m}^2$ (mốc 2, 13, 14, 11, 2) và vị trí 2a diện tích $3,3\text{m}^2$ (mốc 11, 14, 15, 17, 11) thuộc một phần thửa 205 do hộ

ông Phạm Văn T đứng tên quyền sử dụng; vị trí 2b diện tích 29m² (móc 15, 16, 7, 17, 15) thuộc một phần thửa 602 do bà Nguyễn Thị Ngọc N2 đứng tên quyền sử dụng, tất cả đất tranh chấp đều thuộc tờ bản đồ số 3, tọa tại khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Đối với vị trí 1b diện tích 38,8m² (móc 13, 3, 12, 14, 13) và vị trí 2c diện tích 4,7m² (móc 14, 12, 6, 16, 15, 14), thuộc một phần thửa 206 do hộ ông Nguyễn Văn H1 đứng tên quyền sử dụng đất thì ông T thống nhất không tranh chấp và không yêu cầu đối với hai vị trí 1b, 2c này.

Tại phiên họp và hòa giải phía bị đơn ông Nguyễn Văn H1 có đơn rút một phần yêu cầu phản tố vị trí 2b diện tích 29m² do bà Nguyễn Thị Ngọc N2 đứng tên quyền sử dụng, thì phía nguyên đơn cũng không yêu cầu đối với vị trí này. Phần đất này ông T đã mua và trả tiền xong, nên giữa ông T và bà N2 sẽ thực hiện thủ tục sang tên, ông T không tranh chấp với bà N2 cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, ông T không thống nhất theo yêu cầu phản tố của ông H1. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan trong vụ kiện nay ông T không cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng, tặng cho bất cứ cơ quan, cá nhân nào.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn H1 là bà Nguyễn Thị L2, đồng thời bà là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày:

Nguồn gốc đất gia đình ông có được là do Nhà nước động viên sinh sống, canh tác vùng kinh tế mới khi vừa tách xã A, gia đình sử dụng ổn định, lâu dài từ năm 1984 và đóng thuế đúng quy định nên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 31/10/2001 với tổng diện tích 1.824m², trong đó đất thổ diện tích 300m² và đất trồng cây lâu năm diện tích 1.524m², thuộc thửa 206, tờ bản đồ số 3 (phần không tranh chấp cùng được cấp giấy thửa số 222 diện tích 7.172,0m²; thửa số 250 diện tích 19.683 m², mục đích sử dụng là đất lúa, tờ bản đồ số 3). Thời điểm được cấp giấy thì không xảy ra tranh chấp. Nhưng không hiểu lý do vì sao gia đình ông T lấn ranh đất và còn chửi, xông vào đánh gây thương tích, khiến bà phải nhập viện.

Nay gia đình bà không thống nhất theo yêu cầu của ông T về yêu cầu ông H1 trả đất theo đo đạc thực tế: Vị trí 1a có diện tích 148,9m² (móc 2,13,14, 11, 2) và vị trí 2a diện tích 3,3m² (móc 11, 14, 15, 17, 11) thuộc một phần thửa 205 (hộ ông Phạm Văn T đứng tên quyền sử dụng); Đồng thời, ngày 04/7/2023 ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu phản tố yêu cầu hộ ông T và con là Phạm Ngọc P di dời

một phần căn nhà trả lại đất: Vị trí 1a có diện tích 148,9m², trong đó có phần căn nhà của ông P với diện tích là 31,7 m² (mốc 2, 13, 14, 11, 2) và vị trí 2a diện tích 3,3m² (mốc 11, 14, 15, 17, 11) thuộc một phần thửa 205, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp hộ ông Phạm Văn T đứng tên quyền sử dụng;

Đối với vị trí 2b diện tích 29m² (mốc 15,16, 7, 17, 15) thuộc một phần thửa 602 do bà Nguyễn Thị Ngọc N2 đứng tên quyền sử dụng thuộc tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Nay ông Nguyễn Văn H1 rút đối phần yêu cầu này không tranh chấp với bà N2 và ông T, không yêu cầu Toà án giải quyết

Gia đình bà thống nhất việc ông T trả lại vị trí 1b diện tích 38,8m² (mốc 13, 3, 12, 14, 13) và vị trí 2c diện tích 4,7m² (mốc 14,12, 6, 16, 15, 14), thuộc một phần thửa 206, thuộc tờ bản đồ số 03 do hộ ông Nguyễn Văn H1 đứng tên quyền sử dụng, gia đình bà không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan trong vụ kiện này gia đình bà đang giữ ở nhà cam kết không cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng, tặng cho bất cứ cơ quan, cá nhân nào.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn K thống nhất theo trình bày của bà L2.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị G, chị Nguyễn Thị Nu E, chị Nguyễn Thị D có nộp đơn xin vắng mặt và bản khai thống nhất trình bày của bà L2.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L1 thống nhất theo trình bày và yêu cầu của ông T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Ngọc P, chị Dương Thị Cẩm H2, có nộp đơn xin vắng mặt và bản khai thống nhất trình bày của ông T và người đại diện theo ủy quyền của ông T, không thống nhất theo yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc N2 trình bày: Bà là con ruột của ông Nguyễn Văn Q, trước đây cha bà có bán một phần đất cho ông Phạm Văn T diện tích ngang 14m, dài 30m (theo sơ đồ đo ngày 20/10/2022 vị trí trụ đá mốc số 8 đến mốc số 6 là 30m, vị trí mốc số 8 đến mốc 9), khi bán có làm giấy. Hiện nay ông T có tranh chấp đất với ông H1, trong đó có phần đất mà

ông T mua của cha bà nhưng bà vẫn còn đang đứng tên với diện tích 29m² (móc 15,16, 7, 17, 15) thuộc một phần thửa 602, thuộc tờ bản đồ số 3, bà không tranh chấp với tất cả các đương sự. Còn việc chuyển nhượng sang tên giấy đất thì giữa bà và ông T sẽ thực hiện riêng, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan trong vụ kiện này bà không cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng, tặng cho bất cứ cơ quan, cá nhân nào.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố H (có đơn xin vắng mặt) không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Hồng Ngự đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T.

Buộc hộ ông Nguyễn Văn H1 gồm ông Nguyễn Văn H1, bà Phạm Thị L, anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị G, chị Nguyễn Thị Nu E, chị Nguyễn Thị D và cháu Nguyễn Hải N (anh K là người đại diện hợp pháp) di dời cây trồng trên đất trả lại cho ông Phạm Văn T tại diện tích 148,9m², vị trí 1a (móc 2,13,14, 11, 2) và diện tích 3,3m², vị trí 2a (móc 11, 14,15, 17, 11) thuộc một phần thửa 205, tờ bản đồ số 03, do hộ ông Phạm Văn T đứng tên quyền sử dụng, đất tọa lạc tại khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H1 về việc yêu cầu hộ ông Phạm Văn T và anh Phạm Ngọc P di dời một phần căn nhà trả cho ông H1 diện tích 148,9m², vị trí 1a (móc 2, 13, 14, 11, 2), trên đất có một phần căn nhà của anh Phương diện tích là 31,7 m²; và diện tích 3,3m², vị trí 2a (móc 11, 14, 15, 17, 11) thuộc một phần thửa 205, tờ bản đồ số 3, do hộ ông Phạm Văn T đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T đối với diện tích 29m², vị trí 2b (móc 15,16, 7, 17, 15), thuộc một phần thửa 602, tờ bản đồ số 3, do bà Nguyễn Thị Ngọc N2 đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H1 đối với diện tích 29m², vị trí 2b (móc 15,16, 7, 17, 15) thuộc một phần thửa 602, tờ bản đồ số 3, do bà Nguyễn Thị Ngọc N2 đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp

(Kèm theo là Biên bản thẩm định tài sản đang tranh chấp ngày 21/9/2022 và Biên bản thẩm định tài sản đang tranh chấp ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự; Sơ đồ đo đạc số: 05/2022/SĐĐĐ/CNVPĐKĐĐ TPHN ngày 20/12/2022 và Sơ đồ bổ sung hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H).

Các đương có được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ điều chỉnh, biến động theo quy định đối với diện tích đất được sử dụng nêu trên.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị L2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần Tòa chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và không chấp nhận phần tố của ông H1, nhưng ông H1 và bà L2 là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị G, chị Nguyễn Thị Nu E, chị Nguyễn Thị D, phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần chấp nhận yêu cầu của ông T.

6. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá:

Buộc ông Nguyễn Văn H1, bà Phạm Thị L, anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị G, chị Nguyễn Thị Nu E và chị Nguyễn Thị D phải chịu 3.622.000đồng (ba triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng) để trả lại cho ông Phạm Văn T, vì ông T đã tạm ứng trước.

Ngoài ra Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về thời hạn kháng cáo.

Ngày 25/9/2023 ông Nguyễn Văn H1 là bị đơn kháng cáo ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu hủy toàn bộ quyết định của Bản án sơ thẩm số: 41/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự. Xét xử phúc thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H1 về việc yêu cầu hộ ông Phạm Văn T và anh Phạm Ngọc P di dời một phần căn nhà trả cho ông H1 diện tích đất 148,9m², trên đất có căn nhà của anh Phương diện tích 31,7 m² và diện tích 3,3m² thuộc một phần thửa 205, tờ bản đồ số 03, do hộ ông Phạm Văn T đứng tên quyền sử dụng đất. Đất tọa lại tại khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông.

- Ông Phạm Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của ông T không đồng ý theo yêu cầu của ông H1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về nguồn gốc đất tranh chấp theo ông T trình bày là của cha vợ ông T cho vợ chồng ông. Năm 1998 ông T có đặt trụ ranh giữa đất của ông và ông H1, khi đặt có mặt bà Phạm Thị L (vợ ông H1), các bên không xảy ra tranh chấp và đến ngày 31/10/2001 hộ ông T được cấp quyền sử dụng đất thửa 205, tờ bản đồ số 03, có diện tích 1.518m², tọa lạc tại khóm B, phường A, thành phố H, thời điểm cấp giấy không đo đạc thực tế, từ khi nhận và được cấp giấy đất thì ông đã sử dụng ổn định cho đến năm 2010 thì ông Tâm g đất lại cho con ruột là anh P tiếp tục quản lý, sử dụng và cất nhà ở trên đất cho đến nay.

Còn hộ ông H1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 206, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.824m² vào ngày 31/10/2001, là cùng thời điểm với ông T và khi cấp cũng không đo đạc thực tế.

Theo Sơ đồ tranh chấp ngày 20/10/2022 và sơ đồ bổ sung của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H chiều ngang đoạn đường T, theo ông T xác định thì dư 0,98m so với sơ đồ thửa đất, còn theo ông H1 xác định thì dư 1,8m so với sơ đồ thửa đất của hộ ông H1, nên phần đất do ông T xác định là phù hợp.

Về quá trình sử dụng thì vào năm 1998 ông H1 đã xây bức tường làm ranh giữa phần đất của ông với ông T là trước khi ông H1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông T vẫn xác định phần đất của ông H1 còn cách 01 mét từ bức tường mà ông H1 đã xây về phía đất của ông T. Như vậy, phần đất ông H1 đang sử dụng có chiều ngang nhiều hơn so với phần mà hộ ông được cấp Giấy chứng nhận. Mặt khác, năm 2010 khi anh P là con ông T cất nhà trên phần đất này thì ông H1 và bà L cũng không có ý kiến hay tranh chấp gì. Do đó, việc ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu hộ ông Phạm Văn T và anh Phạm Ngọc P di dời một phần căn nhà trả cho ông H1 diện tích 148,9m², trên đất có một phần căn nhà của anh Phương diện tích là 31,7m² và diện tích 3,3m² thuộc một phần thửa 205, tờ bản đồ số 3, do hộ ông Phạm Văn T đứng tên quyền sử dụng đất là không có căn cứ để chấp nhận.

Vì vậy, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Buộc hộ ông H1 gồm ông H1, bà L, anh K, chị G, chị Nu E, chị D và cháu N (anh K là người đại diện hợp pháp) di dời cây trồng trên đất trả lại cho ông T tại diện tích 148,9m², vị trí 1a (móc 2, 13, 14, 11, 2) và diện tích 3,3m², vị trí 2a (móc 11, 14, 15, 17, 11) thuộc một phần thửa 205, tờ bản đồ số 03, do hộ ông T đứng tên quyền sử dụng, đất tọa lạc tại khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và căn cứ trên cho thấy, ông H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông H1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 41/2023/ST-DS ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

Về án phí phúc thẩm thì đề nghị tuyên đúng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn H1 là bị đơn kháng cáo trong hạn luật định và hợp pháp. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật Tố dân sự năm 2015.

[2]. Ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm số: 41/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự. Yêu cầu Tòa án phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H1 về việc yêu cầu hộ ông Phạm Văn T và anh Phạm Ngọc P di dời một phần căn nhà trả cho ông H1 diện tích đất 148,9m², trên đất có căn nhà của anh Phương diện tích 31,7m² và diện tích 3,3m² thuộc một phần thửa 205, tờ bản đồ số 03, do hộ ông Phạm Văn T đứng tên quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc tranh chấp ông T trình bày là của cha vợ ông T cho vợ chồng ông vào năm 1983 và đến năm 2001 ông được cấp quyền sử dụng đất có diện tích 1.518m² thời điểm cấp giấy không đo đạc thực tế, nhưng từ khi nhận và được cấp giấy đất thì ông đã sử dụng ổn định lâu dài. Hộ gia đình ông H1 được cấp giấy cùng thời điểm với ông và khi cấp cũng không đo đạc thực tế. Tuy nhiên từ khi trực tiếp quản lý, sử dụng đất và có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, ông ở ổn định, giữa ông và ông H1 không xảy ra tranh chấp. Năm 1998 ông T cắm trụ đá phía trước và sau làm ranh đất giữa ông và ông H1, đồng thời ông H1 cũng đã xây tường bao quanh phần đất của mình sử dụng cho đến nay. Phía ông H1 cho rằng, bờ tường xây dựng chỉ nhằm gia cố nền đất ở và gia đình bà có chừa một phần đất ngang vài mét (phần đất hiện đang tranh chấp) để máy cày, máy xới của gia đình chạy. Tuy nhiên không có chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Ngoài ra, khi con ông T là anh P xây cất nhà thì gia đình ông H1 biết nhưng không tranh chấp, ngăn cản, điều này thể hiện gia đình ông H1 mặc nhiên trụ đá và bờ tường làm ranh đất giữa hai bên. Do đó, căn cứ vào trích lục bản đồ hai thửa đất số 205, 206 so với đo đạc thực tế về chiều ngang của hai thửa đất đều thừa nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông H1 yêu cầu ngừng phiên tòa để thẩm định bổ sung, thu thập bổ sung chứng cứ. Hội đồng xét xử xét thấy, về thu thập trích lục bản đồ hai thửa đất số 205, 206 Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập thể hiện tại bút lục 330, 331; về bức tường có chiều dài khoảng 2m x 0,5m do ông T xây ở phía sau dưới sàn nhà để nuôi gà nằm trên diện tích đất tranh chấp không thể hiện trong biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ là có thiếu sót. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm phía bên ông T trình bày: Trường hợp chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1 thì hộ ông T đồng ý tháo

dỡ, di dời; về diện tích đất Tòa án cấp sơ thẩm đã đo đạc, thẩm định rõ ràng không cần ngừng phiên tòa nên Hội đồng xét không chấp nhận yêu cầu này của anh Đ.

[4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đã xử là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên giữ nguyên.

[5]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông H1 không được chấp nhận nên ông H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông H1 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1 kháng cáo yêu cầu ông Phạm Văn T và anh Nguyễn Ngọc P1 có nghĩa vụ liên đới di dời một phần căn nhà trả lại cho ông đất theo đo đạc thực tế vị trí 1a diện tích 148,9m² (mốc 2,13,14, 11, 2) trên đất có một phần căn nhà của anh Phương diện tích là 31,7 m² và vị trí 2a diện tích 3,3m² (mốc 11, 14,15, 17, 11) thuộc một phần thửa 205, tờ bản đồ số 3, do hộ ông Phạm Văn T đứng tên quyền sử dụng đất. Đất tọa lại tại

khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T.

2.1. Buộc hộ ông Nguyễn Văn H1 gồm ông Nguyễn Văn H1, bà Phạm Thị L, anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị G, chị Nguyễn Thị Nu E, chị Nguyễn Thị D và cháu Nguyễn Hải N (anh K là người đại diện hợp pháp) di dời cây trồng trên đất trả lại cho ông Phạm Văn T tại diện tích 148,9m², vị trí 1a (mốc 2,13,14, 11, 2) và diện tích 3,3m², vị trí 2a (mốc 11, 14,15, 17, 11) thuộc một phần thửa 205, tờ bản đồ số 03, do hộ ông Phạm Văn T đứng tên quyền sử dụng, đất tọa lạc tại khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H1 về việc yêu cầu hộ ông Phạm Văn T và anh Phạm Ngọc P di dời một phần căn nhà trả cho ông H1 diện tích 148,9m², vị trí 1a (mốc 2, 13, 14, 11, 2), trên đất có một phần căn nhà của anh Phương diện tích là 31,7m²; và diện tích 3,3m², vị trí 2a (mốc 11, 14, 15, 17, 11) thuộc một phần thửa 205, tờ bản đồ số 3, do hộ ông Phạm Văn T đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2.3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T đối với diện tích 29m², vị trí 2b (mốc 15,16, 7, 17, 15), thuộc một phần thửa 602, tờ bản đồ số 3, do bà Nguyễn Thị Ngọc N2 đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2.4. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H1 đối với diện tích 29m², vị trí 2b (mốc 15,16, 7, 17, 15) thuộc một phần thửa 602, tờ bản đồ số 3, do bà Nguyễn Thị Ngọc N2 đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp

(Kèm theo là Biên bản thẩm định tài sản đang tranh chấp ngày 21/9/2022 và Biên bản thẩm định tài sản đang tranh chấp ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự; Sơ đồ đo đạc số: 05/2022/SĐĐĐ/CNVPĐKĐĐ TPHN ngày 20/12/2022 và Sơ đồ bổ sung hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H).

Các đương có được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ điều chỉnh, biến động theo quy định đối với diện tích đất được sử dụng nêu trên.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

5. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP Hồng Ngự;
- Chi Cục THADS TP Hồng Ngự;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước